

Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược tại thành phố Hồ Chí Minh: Khảo sát kiến thức, thái độ và hành vi của dược sĩ

Trương Văn Đạt^{1*}, Nguyễn Thảo My¹, Trần Thị Hồng Nguyên¹
Lê Đặng Tú Nguyên¹, Võ Ngọc Hồng Phúc², Nguyễn Võ Trà Mi²
Nguyễn Mạnh Cường³, Trần Đình Trung³, Thượng Công Huy⁴
Nguyễn Thị Thu Hà⁵, Trần Thu Hiền⁶, Trương Lê Thuỳ Nguyên⁷
Nguyễn Thị Ngọc Trâm⁸, Nguyễn Hữu Lạc Thủy¹, Đặng Thị Kiều Nga¹
Huỳnh Thanh Tiên⁹, Lê Ngọc Danh¹⁰, Phan Thanh Dũng¹
Phạm Đình Luyến¹, Trần Thành Đạo¹, Nguyễn Thị Hải Yến¹

¹Khoa Dược, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Y - Dược Huế

³Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng

⁴Bệnh viện Lê Văn Thịnh

⁵Bệnh viện Lê Văn Việt

⁶Bệnh viện Thành phố Thủ Đức

⁷Khoa Y, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

⁸Bệnh viện Quốc tế Mỹ

⁹Đại học Văn Lang

¹⁰Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

Summary

This study determined the factors related to the knowledge, attitudes and behaviors about the application of Telepharmacy in pharmacy practice of pharmacists in Ho Chi Minh City. A cross-sectional description studied on 414 pharmacists in Ho Chi Minh City from February 2021 to July 2021. Results showed knowledge, attitude and behavior achieved about Telepharmacy application in pharmacy practice were 62.3%, 74.2% and 58.7%, respectively. The factor related to the attitude and behavior of applying Telepharmacy in pharmacy practice of pharmacists is the working basis (with $p < 0.05$). The implementation of Telepharmacy is suitable with the capacity and needs of providing remote pharmacy services of pharmacists.

Keywords: Telepharmacy, pharmacist.

Đặt vấn đề

Telepharmacy (hay còn gọi là dược học từ xa) là một khái niệm khá mới, chỉ được đề cập gần đây trong việc cung cấp dịch vụ liên quan đến dược phẩm. Hội Dược sĩ hệ thống y tế Hoa Kỳ (American Society of Health – System Pharmacists: ASHP) định nghĩa: Telepharmacy

là một phương thức sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong thực hành dược giúp dược sĩ giám sát vận hành hoặc cung cấp dịch vụ chăm sóc người bệnh từ xa [1, 10]. Telepharmacy đã được phát triển và ứng dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Ai Cập,... [1]. Đây là một phương pháp rất hữu ích trong việc hỗ trợ các cơ sở thực hiện các hoạt động dược khi mà người dược sĩ không có mặt tại chỗ hoặc khi các nguồn lực về dược bị hạn chế, chẳng hạn như tại các phòng khám và cơ sở chăm sóc sức khỏe bị cô lập về mặt địa lý, tình trạng thiếu dược sĩ [2, 10].

Chịu trách nhiệm: Trương Văn Đạt

Email: dattv@ump.edu.vn

Ngày nhận: 03/9/2021

Ngày phân biên: 17/9/2021

Ngày duyệt bài: 24/9/2021

Trong đại dịch Covid-19 hiện nay, giãn cách xã hội khiến cho việc cung ứng và tư vấn sử dụng thuốc trở nên vô cùng quan trọng. Vì vậy, vai trò của Telepharmacy lại càng được chú trọng hơn nữa vì nó làm giảm nguy cơ lây nhiễm virus và có thể làm tăng khả năng tiếp cận của các bệnh nhân, đặc biệt là các bệnh nhân Covid-19 điều trị tại nhà^[3]. Đồng thời, giúp giảm gánh nặng của đại dịch đối với hệ thống chăm sóc sức khỏe và cải thiện tính an toàn trong cấp phát thuốc bằng cách giảm tỷ lệ ADR và sai sót y tế^[4].

Telepharmacy là một khái niệm khá mới ở nước ta và vẫn chưa có các quy định pháp lý liên quan. Do đó, việc triển khai Telepharmacy tại Việt Nam được dự đoán là hoàn toàn phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe hiện nay và xu hướng phát triển hệ thống y tế điện tử của ngành Y tế. Mặt khác, Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) còn đóng vai trò như là một trung tâm đầu mối để triển khai các chiến lược phát triển công nghệ thông tin của ngành Y tế. Xuất phát từ thực tiễn trên, chúng tôi thực hiện đề tài: "Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược tại Thành phố Hồ Chí Minh: Khảo sát kiến thức, thái độ và hành vi của dược sĩ" với các mục tiêu sau: Mô tả kiến thức, thái độ, hành vi về ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược của dược sĩ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến việc ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược ở đối tượng nghiên cứu trên.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Các dược sĩ đang làm việc tại các nhà thuốc tư nhân và bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: (1) - Dược sĩ có kinh nghiệm công tác ít nhất 01 năm trong lĩnh vực dược; (2) - Có hiểu biết về các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực dược nói riêng và các lĩnh vực khác nói chung; (3) - Không đang tham gia phát triển ứng dụng nào tương tự trên thị trường.

Tiêu chuẩn loại trừ: (1) - Dược sĩ từ chối tham gia nghiên cứu; (2) - Dược sĩ không truy cập vào công cụ khảo sát trực tuyến trong thời gian nghiên cứu.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 07 năm 2021 tại Thành phố

Hồ Chí Minh. Từ tháng 4/2021, Thành phố Hồ Chí Minh bùng phát đợt dịch lần thứ 4, tình trạng giãn cách kéo dài nên nghiên cứu được thực hiện bằng phiếu khảo sát trực tuyến.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang, được tiến hành bằng cách khảo sát trực tuyến thông qua Microsoft Form. Bảng khảo sát được Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý bằng văn bản gửi tới các bệnh viện và nhà thuốc tư nhân thông qua đường link: <https://forms.office.com/r/4n5GmQRt6H>^[11].

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Cỡ mẫu

Giả sử đối với mỗi nhà thuốc sẽ tương ứng với 1 dược sĩ tham gia khảo sát. Cỡ mẫu nghiên cứu chính thức được tính theo công thức:

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

Trong đó: $N = 7393$ (số lượng nhà thuốc tư nhân và doanh nghiệp hoạt động tại TP. HCM dựa trên danh sách các nhà thuốc đăng ký tham gia bán thuốc bình ổn năm 2019 – 2020 và dữ liệu của Sở Y tế TP. HCM^[5]), $e = 0,05$ (sai số cho phép là 5%).

Vậy cỡ mẫu tối thiểu là 379 đối tượng tham gia nghiên cứu. Thực tế, có 498 đối tượng tham gia khảo sát nhưng chỉ có 414 phiếu phản hồi đủ điều kiện.

Phương pháp chọn mẫu

Sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

Nội dung nghiên cứu và đánh giá biến số phụ thuộc

Bộ câu hỏi khảo sát sơ bộ gồm có 4 phần, bao gồm: (i) - Đặc điểm nhân khẩu học của người tham gia khảo sát (11 câu hỏi), (ii) - Kiến thức (17 câu hỏi), (iii) - Thái độ (16 câu hỏi) và (iv) - Hành vi (13 câu hỏi) của người tham gia phỏng vấn đối với ứng dụng Telepharmacy trong hoạt động hành nghề dược. Trong đó các biến quan sát được đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Đồng ý). Dựa trên kết quả khảo sát của 60 dược sĩ đối với bộ câu hỏi sơ bộ, nghiên cứu đã tiến hành đánh giá độ tin cậy của thang đo dựa trên chỉ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) để rút trích các nhóm nhân tố phù hợp^[6, 7]. Sau khi loại 6 biến không phù hợp và chạy EFA 3 lần rút trích được 5 nhóm nhân tố mới gồm: (1) - Kiến thức về ứng dụng Telepharmacy (Cronbach's Alpha = 0,943),

(2) - Vai trò của Telepharmacy (Cronbach's Alpha = 0,891), (3) - Tầm quan trọng của Telepharmacy (Cronbach's Alpha = 0,836), (4) - Tham gia ứng dụng Telepharmacy (Cronbach's Alpha = 0,900), (5) - Mức chi trả cho việc ứng dụng Telepharmacy (Cronbach's Alpha = 0,823). Phân loại về mức độ đánh giá đối với từng thang đo kiến thức, thái độ, hành vi của mỗi dược sĩ về ứng dụng Telepharmacy trong hoạt động hành nghề dược được xác định dựa vào tổng điểm của các câu hỏi như sau: ≤ 70%: chưa tốt, > 70%: tốt.

Phương pháp thu thập thông tin

Một biểu mẫu khảo sát Microsoft Form được tạo dựa trên cấu trúc của một bản khảo sát. Đường dẫn đến trang khảo sát đã được gửi đến bộ phận hành chính của các nhà thuốc tư nhân và bệnh viện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Số liệu được thu thập ẩn danh.

Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Số liệu đã thu thập được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1, xử lý số liệu bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0. Kết quả được mô tả bằng bảng tần suất và tỷ lệ phần trăm. Kiểm định chi bình phương (χ^2) để kiểm định sự khác biệt

giữa hai hay nhiều tỷ lệ, mô hình hồi quy đa biến logistic để xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ và hành vi ứng dụng Telepharmacy trong hoạt động hành nghề dược. Mức ý nghĩa thống kê được thiết lập ở giá trị $p < 0,05$, tỷ suất chênh OR với khoảng tin cậy 95%.

Đạo đức nghiên cứu

Các đối tượng nghiên cứu tự nguyện chấp thuận tham gia khảo sát trực tuyến, thông tin cá nhân được bảo mật và chỉ được sử dụng trong nghiên cứu này. Nghiên cứu này đã được phê duyệt bởi Hội đồng Đạo đức Nghiên cứu Y sinh học Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh số 148/HĐĐĐ-ĐHYD ngày 22/02/2021.

Hạn chế sai số

Thiết kế bộ câu hỏi phù hợp, rõ ràng và thống nhất cho tất các đối tượng nghiên cứu. Tiến hành thu thập thử trên một số sinh viên để chỉnh sửa bộ câu hỏi cho phù hợp trước khi tiến hành thu thập trên mẫu. Số liệu được kiểm tra, làm sạch và mã hóa thống nhất trước khi xử lý.

Kết quả nghiên cứu

Kiến thức, thái độ và hành vi về ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược

Bảng 1. Mô tả kiến thức, thái độ, hành vi về ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược (n = 414)

Đánh giá		Cơ sở làm việc				Tổng	
		Bệnh viện		Nhà thuốc		n	%
		n	%	n	%		
Kiến thức	Đạt	128	49,6	130	50,4	258	62,3
	Chưa đạt	78	50,0	78	50	156	37,7
Thái độ	Đạt	165	53,7	142	46,3	307	74,2
	Chưa đạt	41	38,3	66	61,7	107	25,8
Hành vi	Đạt	135	55,6	108	44,4	243	58,7
	Chưa đạt	71	41,5	100	58,5	171	41,3
Tổng		206	49,8	208	50,2	414	100

Trong số 414 dược sĩ tham gia khảo sát, tỷ lệ dược sĩ có kiến thức đạt về ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược là 62,3%. Thái độ và hành vi đạt về ứng dụng

Telepharmacy trong hành nghề dược của dược sĩ tương ứng là 74,2% và 58,7%.

Các yếu tố liên quan đến kiến thức ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược

Bảng 2. Các yếu tố liên quan đến kiến thức ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược (n = 414)

Đặc điểm	Kiến thức		Tổng	p
	Đạt	Chưa đạt		
Nhóm tuổi	Dưới 30 tuổi	97 (62,6%)	58 (37,4%)	155 (37,4%)
	Từ 31 – 40 tuổi	102 (60,0%)	68 (40,0%)	170 (41,1%)
	Từ 41 – 50 tuổi	41 (68,3%)	19 (31,7%)	60 (14,5%)
	Từ 51 – 60 tuổi	11 (57,9%)	8 (41,2%)	19 (4,6%)
	Trên 60 tuổi	7 (70,0%)	3 (30,0%)	10 (2,4%)

Giới tính	Nam	56 (64,4%)	31 (35,6%)	87 (21,0%)	0,657
	Nữ	202 (61,8%)	125 (38,2%)	327 (79,0%)	
Trình độ học vấn	Dược trung học	28 (51,9%)	26 (48,1%)	54 (13,0%)	0,273
	Dược cao đẳng	47 (69,1%)	21 (30,9%)	68 (16,4%)	
	Dược đại học	144 (62,9%)	85 (37,1%)	229 (55,3%)	
Số năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực dược	Dược sau đại học	39 (61,9%)	24 (38,1%)	63 (15,2%)	0,431
	Dưới 10 năm	153 (61,7%)	95 (38,3%)	248 (59,9%)	
	Từ 11 – 20 năm	79 (61,2%)	50 (38,8%)	129 (31,2%)	
	Từ 21 – 30 năm	18 (78,3%)	5 (21,7%)	23 (5,6%)	
Cơ sở làm việc	Trên 30 năm	8 (57,1%)	6 (42,9%)	14 (3,4%)	0,939
	Bệnh viện	128 (62,1%)	78 (37,9%)	206 (49,8%)	
	Nhà thuốc	130 (62,5%)	78 (37,5%)	208 (50,2%)	

Kết quả cho thấy không có mối liên quan giữa kiến thức ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược của dược sĩ với các biến số nhóm tuổi, giới tính, trình độ học vấn, số năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực dược và cơ sở làm việc (với $p > 0,05$).

Các yếu tố liên quan đến thái độ ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược

Bảng 3. Các yếu tố liên quan đến thái độ ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược (n = 414)

Đặc điểm	Thái độ		Tổng	p	
	Đạt	Chưa đạt			
Nhóm tuổi	Dưới 30 tuổi	106 (68,4%)	49 (31,6%)	155 (37,4%)	0,084
	Từ 31 – 40 tuổi	130 (76,5%)	40 (23,5%)	170 (41,1%)	
	Từ 41 – 50 tuổi	51 (85,0%)	9 (15,0%)	60 (14,5%)	
	Từ 51 – 60 tuổi	12 (63,25)	7 (36,8%)	19 (4,6%)	
	Trên 60 tuổi	8 (80,0%)	2 (20,0%)	10 (2,4%)	
Giới tính	Nam	63 (72,4%)	24 (27,6%)	87 (21,0%)	0,676
	Nữ	244 (74,6%)	83 (25,4%)	327 (79,0%)	
Trình độ học vấn	Dược trung học	43 (79,6%)	11 (20,4%)	54 (13,0%)	0,136
	Dược cao đẳng	52 (76,5%)	16 (23,5%)	68 (16,4%)	
	Dược đại học	160 (69,9%)	69 (30,1%)	229 (55,3%)	
	Dược sau đại học	52 (82,5%)	11 (17,5%)	63 (15,2%)	
Số năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực dược	Dưới 10 năm	181 (73,0%)	67 (27,0%)	248 (59,9%)	0,884
	Từ 11 – 20 năm	98 (76,0%)	31 (24,0%)	129 (31,2%)	
	Từ 21 – 30 năm	18 (78,3%)	5 (21,7%)	23 (5,6%)	
	Trên 30 năm	10 (3,3%)	4 (28,6%)	14 (3,4%)	
Cơ sở làm việc	Bệnh viện	165 (80,1%)	41 (19,9%)	206 (49,8%)	0,006
	Nhà thuốc	142 (68,3%)	66 (31,7%)	208 (50,2%)	

Kết quả cho thấy có mối liên quan giữa thái độ ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược của dược sĩ và cơ sở làm việc (với $p < 0,05$).

Các yếu tố liên quan đến hành vi ứng dụng telepharmacy trong hành nghề dược

Bảng 4. Các yếu tố liên quan đến hành vi ứng dụng telepharmacy trong hành nghề dược (n = 414)

Đặc điểm	Hành vi		Tổng	p	
	Đạt	Chưa đạt			
Nhóm tuổi	Dưới 30 tuổi	84 (54,2%)	71 (45,8%)	155 (37,4%)	0,639
	Từ 31 – 40 tuổi	105 (61,8%)	65 (38,2%)	170 (41,1%)	
	Từ 41 – 50 tuổi	36 (60,0%)	24 (40,0%)	60 (14,5%)	
	Từ 51 – 60 tuổi	11 (57,9%)	8 (42,1%)	19 (4,6%)	
	Trên 60 tuổi	7 (70,0%)	3 (30,0%)	10 (2,4%)	

Giới tính	Nam	50 (57,5%)	37 (42,55)	87 (21,0%)	0,794
	Nữ	193 (59,0%)	134 (41,0%)	327 (79,0%)	
Trình độ học vấn	Dược trung học	31 (57,4%)	23 (42,6%)	54 (13,0%)	0,268
	Dược cao đẳng	45 (66,2%)	23 (13,5%)	68 (16,4%)	
	Dược đại học	126 (55,0%)	103 (45,0%)	229 (55,3%)	
	Dược sau đại học	41 (65,2%)	22 (34,9%)	63 (15,2%)	
Số năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực dược	Dưới 10 năm	141 (56,9%)	107 (43,1%)	248 (59,9%)	0,778
	Từ 11 – 20 năm	78 (60,5%)	51 (39,5%)	129 (31,2%)	
	Từ 21 – 30 năm	15 (65,2%)	8 (34,8%)	23 (5,6%)	
	Trên 30 năm	9 (64,3%)	5 (35,7%)	14 (3,4%)	
Cơ sở làm việc	Bệnh viện	135 (65,5%)	71 (34,5%)	206 (49,8%)	0,005
	Nhà thuốc	108 (51,9%)	100 (48,1%)	208 (50,2%)	

Kết quả cho thấy có mối liên quan giữa hành vi ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược của dược sĩ và cơ sở làm việc (với $p < 0,05$).

Bàn luận

Kiến thức, thái độ và hành vi về ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược

Trong 414 đối tượng được phỏng vấn, 62,3% dược sĩ có kiến thức đạt về ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược, kết quả này cao hơn so với nghiên cứu tại Saudi Arabia thực hiện năm 2021 là 42%^[8]. Nguyên nhân đưa đến sự khác biệt trên có thể do sự khác nhau về vùng địa lý, điều kiện kinh tế, kết nối internet và phương pháp đánh giá. Điều này cũng cho thấy đây là một dấu hiệu tích cực, các dược sĩ đã có được những nhận thức cơ bản về chức năng, vai trò và mức độ cần thiết của Telepharmacy trong hoạt động hành nghề dược.

Ở nghiên cứu này, tỉ lệ dược sĩ có thái độ đạt về ứng dụng Telepharmacy là 74,2% thấp hơn nghiên cứu tại Saudi Arabia (87%)^[8], nhưng cao hơn nghiên cứu tại Jordan (70,6%)^[9]. Sự chênh lệch như vậy có thể là do sự khác biệt về phương pháp nghiên cứu cũng như điều kiện kinh tế - nhân khẩu học. Có thể thấy được các dược sĩ phần nào đã có thái độ tích cực và quan tâm đến ứng dụng Telepharmacy. Đây là một cơ hội tốt để có thể phát triển hệ thống Telepharmacy và áp dụng hiệu quả ứng dụng này, đặc biệt trong đại dịch hiện nay. Khi mà việc sử dụng các công cụ công nghệ thông tin sẽ giúp giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp giữa các cá nhân với nhau.

Phân tích cho thấy 58,7% dược sĩ có hành vi đạt về ứng dụng Telepharmacy. Nguyên nhân có tỷ lệ này là do các dược sĩ này đã được tiếp xúc với các phương tiện tư vấn sử dụng thuốc từ xa cho người bệnh hoặc phối hợp từ xa với các bác sĩ, nhân viên y tế khác qua các công cụ

như điện thoại, zalo, zoom hay MS team, đặc biệt trong thời điểm đại dịch Covid-19 hiện nay, khi mà Chính phủ đang tăng cường các biện pháp giãn cách xã hội. Kết quả này phần nào phản ánh được sự sẵn sàng của các dược sĩ đối với việc triển khai Telepharmacy tại các nhà thuốc bệnh viện/cộng đồng và là một tín hiệu đáng mừng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào khám chữa bệnh cũng như ngành dược phẩm hiện nay.

Các yếu tố liên quan đến kiến thức ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược

Bảng 2 cho thấy không có mối liên quan giữa kiến thức ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược của dược sĩ và nhóm tuổi, giới tính, trình độ học vấn, số năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực dược, cơ sở làm việc (với $p > 0,05$). Điều này có thể do tỷ lệ kiến thức đạt về ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược của dược sĩ tại bệnh viện và nhà thuốc không có sự chênh lệch nhiều (lần lượt là 62,1% và 62,5%) (với $p > 0,05$). Đây cũng là hạn chế của nghiên cứu nên kiến nghị cần nghiên cứu với cỡ mẫu đại diện cho quần thể để đánh giá cụ thể.

Các yếu tố liên quan đến thái độ ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược

Kết quả cho thấy có mối liên quan chặt chẽ giữa thái độ ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược của dược sĩ và cơ sở làm việc (với $p < 0,05$). Ngược lại, một nghiên cứu khác tại Jordan lại chỉ ra rằng các yếu tố là tiền đề của thái độ đối với Telepharmacy giữa các dược sĩ là giới tính, tuổi, trình độ học vấn và nguồn thông tin^[9]. Sự khác biệt này có thể do sự khác nhau về kích thước cỡ mẫu, phương pháp đánh giá và đặc điểm địa lý.

Trong nghiên cứu này, tỷ lệ dược sĩ có thái độ đạt về ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược tại bệnh viện (80,1%) cao hơn dược

sĩ ở nhà thuốc (68,3%). Điều này có thể là do môi trường làm việc ở bệnh viện có nhiều mặt bệnh hơn và áp lực cũng lớn hơn nên khiến các dược sĩ tại đây có thái độ tích cực hơn về việc sử dụng công nghệ thông tin để cập nhật các kiến thức dược học nhằm đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân hơn.

Các yếu tố liên quan đến hành vi ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược

Kết quả nghiên cứu chỉ ra có mối liên quan mật thiết giữa hành vi ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược của dược sĩ và cơ sở làm việc (với $p < 0,05$).

Tỷ lệ dược sĩ có hành vi đạt về ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược tại bệnh viện là 65,5% cao hơn dược sĩ ở nhà thuốc là 51,9%. Điều này có thể giải thích là do bệnh viện thường có nhiều bệnh nhân từ nhiều địa phương khác nhau và những bệnh nhân này có thể sống ở những khu vực xa bệnh viện. Vì vậy, có thể họ không yên tâm về tình trạng bệnh của bản thân nên họ lại có xu hướng tương tác từ xa với dược sĩ tại bệnh viện nhiều hơn.

Kết luận

Nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ dược sĩ có kiến thức, thái độ và hành vi đạt về ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược lần lượt là 62,3%, 74,2% và 58,7%. Yếu tố liên quan đến thái độ và hành vi ứng dụng Telepharmacy trong hành nghề dược của dược sĩ là cơ sở làm việc (với $p < 0,05$).

Việc triển khai ứng dụng Telepharmacy là phù hợp với năng lực và nhu cầu cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa của các dược sĩ; đặc biệt đối với các vùng sâu vùng xa hoặc các trường hợp đặc biệt như đại dịch Covid-19. Đồng thời, cần tăng cường đào tạo kiến thức, kỹ năng cho các dược sĩ, tổ chức một cách có hệ thống để Telepharmacy được ứng dụng một cách thống nhất, đồng bộ và liên kết chặt chẽ với Telemedicine đã được triển khai.

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (DOST HCMC) tại Quyết định số 1362/QĐ-SKHHCN và Hợp đồng số 99/2020/HD-QPTKHCN.

Tài liệu tham khảo

1. Baldoni S., Amenta Francesco, Ricci Giovanna (2019), "Telepharmacy services: Present status and future perspectives: A review", *Medicina*, 55 (7), pp. 327.
2. Alexander E., Butler C. David, Darr Andrea, Jenkins Matthew T., Long Robert D.,

Shipman Colleen J., Stratton Timothy P. (2017), "ASHP statement on telepharmacy", *American Journal of Health - System Pharmacy*, 74 (9), pp. 236-241.

3. O. M. Ibrahim, R. M. Ibrahim, A. Z. Al Meslamani and N. Al Mazrouei (2020), "Role of telepharmacy in pharmacist counselling to coronavirus disease 2019 patients and medication dispensing errors", *Journal of Telemedicine and Telecare*. DOI: 10.1177/1357633X20964347.

4. Mohamed Ibrahim O., Ibrahim Rana M., Abdel-Qader Derar H., Al Meslamani, Ahmad Z., Al Mazrouei Nadia (2020), "Evaluation of telepharmacy services in light of COVID-19", *Telemedicine e-Health*. DOI: 10.1089/tmj.2020.0283.

5. Sở Y tế TP. HCM, *Danh sách các nhà thuốc đăng ký tham gia bán thuốc bình ổn năm 2019-2020*, <http://www.medinet.hochiminhcity.gov.vn/chuyen-muc/danh-sach-cac-nha-thuoc-dang-ky-tham-gia-ban-thuoc-binh-on-nam-2019-2020-cmobile1044-22153.aspx>. Accessed: 19/08, 2021...

6. Tabachnick B. G., Fidell Linda S., Ullman Jodie B. (2007), *Using multivariate statistics*, Vol. 5, Pearson Boston, MA.

7. Murtagh F., Heck André (2012), *Multivariate data analysis*, Vol. 131, Springer Science & Business Media.

8. Alanazi A., Albarrak A., Alanazi A., Muawad R. (2021), "5PSQ-184 Knowledge and attitude assessment of pharmacists toward telepharmacy in Riyadh City, Saudi Arabia", *Eur. J. Hosp. Pharm.*, 28, pp. 146. <https://doi.org/10.1136/EJHPHARM-2021-EAHPCONF.303>

9. Muflih S. M., Al-Azzam S., Abuhammad S. et al. (2021), "Pharmacists' experience, competence and perception of telepharmacy technology in response to COVID-19", *International Journal of Clinical Practice*, 75 (7), e14209.

10. Kinh tế và dự báo, <https://kinhtevadubao.vn/ket-noi-duoc-sy-cong-dong-voi-nguoi-benh-trong-dai-dich-covid-19-va-xa-hon-19257.html>, truy cập ngày 11.9.2021.

11. Công văn số 758/SYT-NVD ngày 5/2/2021 về việc hỗ trợ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học được duyệt bởi Sở KH&CN.